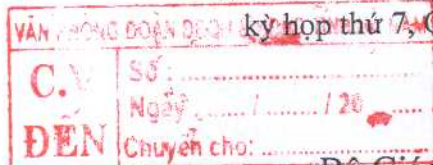


Số: **4659**/BGDDĐT-VPV/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIIIHà Nội, ngày **28** tháng 8 năm 2014

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Yên, Hà Nam

Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận được kiến nghị của cử tri các tỉnh Phú Yên, Hà Nam do Ban Dân nguyện chuyển đến tại văn bản số 215/BDN ngày 26/6/2014.

Nội dung kiến nghị:

Phối hợp với các ngành tiến hành khảo sát và rà soát kỹ nhu cầu thực tế từ các ngành nghề của xã hội để lập chương trình khung giáo dục và phân bổ tuyển sinh các ngành nghề cho phù hợp, khắc phục việc đào tạo tự phát; có chính sách liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp để đào tạo theo nhu cầu, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm (Câu 38).

Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời như sau:

1. Trong những năm gần đây, hệ thống giáo dục đại học Việt Nam đã đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chủ yếu cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa các bên cung cấp nguồn nhân lực, sử dụng nguồn nhân lực và điều tiết vĩ mô chưa chặt chẽ dẫn đến hiện tượng thiếu thừa nguồn nhân lực, thiếu sự liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu xã hội, người học sau tốt nghiệp khó tìm kiếm việc làm, trong khi nhiều tổ chức, doanh nghiệp không tuyển được lao động phù hợp.

Nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên là do: Trong thời gian dài, mô hình phát triển giáo dục, trong đó có giáo dục đại học, chỉ chú trọng về tăng số lượng, chưa chú ý đúng mức đến các điều kiện đảm bảo chất lượng và nhu cầu xã hội; Các cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo theo khả năng của mình, chưa chú ý đến nhu cầu nhân lực của xã hội, địa phương; Chương trình đào tạo chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế, khoa học – công nghệ; văn hoá – xã hội trong khu vực và trên thế giới; nội dung đào tạo nặng về truyền thụ lý thuyết một chiều, nhẹ về thực hành, chưa chú trọng rèn luyện các kỹ năng mềm (làm việc nhóm, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao trình độ ngoại ngữ và hoạt động xã hội) cho người học...

Những hạn chế, yếu kém trên đã dẫn đến quy mô tuyển sinh (và theo đó là quy mô sinh viên tốt nghiệp hàng năm) tăng nhanh, trong khi chất lượng đào tạo còn thấp và không được chú ý nâng cao. Để khắc phục tình trạng trên, trong thời gian qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai một số việc như sau:

- Thay đổi mô hình phát triển giáo dục đại học từ chú trọng phát triển số lượng sang mô hình chú trọng chất lượng và hiệu quả, cụ thể: Chủ động rà soát và tham mưu Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học cho phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam, định hướng quy

hoạch và phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu nhân lực của các địa phương¹. Dừng tiếp nhận hồ sơ nâng cấp, thành lập mới các trường đại học, cao đẳng từ nay đến năm 2015²; Phối hợp với các bộ, ngành để mở ngành mới đáp ứng nhu cầu xã hội³;

- Thực hiện đổi mới công tác xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học (chính quy, vừa học vừa làm), thạc sĩ, tiến sĩ trên cơ sở các tiêu chí đảm bảo chất lượng đào tạo (đội ngũ giảng viên cơ hữu, diện tích sàn xây dựng)⁴; điều chỉnh quy mô đào tạo của từng nhóm ngành cho phù hợp với nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực kinh tế và các địa phương⁵;

- Chỉ đạo các trường đổi mới công tác xây dựng chương trình đào tạo trong đó có sự tham gia của các nhà quản lý, các nhà sử dụng lao động; xây dựng và công bố chuẩn đầu ra theo từng ngành đào tạo. Triển khai xây dựng một số trường đại học xuất sắc, chương trình tiên tiến, chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao, chương trình đào tạo kỹ sư theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE)...

- Xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý trong các trường đại học, cao đẳng: Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học tăng cường đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ. Từ năm 2011 đến nay, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng; Tham mưu ban hành một số chính sách có tính chất đột phá cho đội ngũ giảng viên⁶.

- Thành lập hai trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục thuộc đại học quốc gia Hà Nội và đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, công khai kết quả kiểm định chất lượng đào tạo; Tham gia mạng lưới kiểm định khu vực và quốc tế⁷.

- Tiếp tục công tác thanh tra, kiểm tra, rà soát các điều kiện đảm bảo chất lượng của các cơ sở đào tạo, các ngành đào tạo; kiên quyết dừng tuyển sinh những cơ sở không đảm bảo chất lượng; phối hợp với các địa phương để giải quyết khó khăn cho các nhà đầu tư (đất đai, giảng viên cơ hữu...).

- Đã trình Thủ tướng Chính phủ đề án Thí điểm tự chủ tài chính cho 4 trường đại học và đang xây dựng đề án Đổi mới cơ chế tính giá dịch vụ cho các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, làm cơ sở đổi mới cơ chế quản lý tài chính trong thời gian tới theo hướng tự chủ về tài chính; tính đúng,

¹ Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học đến năm 2020; theo đó điều chỉnh chỉ tiêu sinh viên/ 1 vạn dân từ 450 xuống còn 256; điều chỉnh giảm số lượng trường đại học, cao đẳng đến năm 2020 còn 460 trường

² Công văn số 1352/BGDĐT-GDĐH ngày 19/3/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

³ Như: Hộ sinh (trình độ cao đẳng); Năng lượng nguyên tử, Thương mại điện tử, An ninh mạng, quản lý thùy sản...

⁴ Trong giai đoạn 2006- 2010 chỉ tiêu tuyển mới đại học, cao đẳng chính quy tăng bình quân 15%/năm (trong đó đại học tăng 11%, cao đẳng tăng 20%); Trong giai đoạn 2011-2014, chỉ tiêu tuyển sinh chính quy của các trường đại học, cao đẳng đã giảm bình quân 2,5%/năm, hệ vừa học vừa làm giảm bình quân 18%/năm.

⁵ Năm 2013 đã áp dụng đối với ngành khoa học sức khỏe và sư phạm.

⁶ Kéo dài thời gian làm việc của giảng viên có trình độ tiến sĩ và học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư; chính sách về lương đối với Phó Giáo sư, Giáo sư

⁷ Hiện có 5 thành viên tham gia Mạng lưới quốc tế các tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học; 06 thành viên tham gia Mạng lưới chất lượng châu Á – Thái Bình Dương; 02 thành viên tham gia Mạng lưới chất lượng ASEAN và 03 thành viên tham gia Mạng lưới các trường đại học ASEAN.

tính đủ chi phí đào tạo, điều chỉnh mức học phí, thực hiện cơ chế đặt hàng đào tạo để đảm bảo chất lượng và đào tạo theo nhu cầu xã hội.

- Thành lập Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo và Cung ứng nhân lực để điều tra, phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực, tăng cường sự phối hợp gắn kết giữa các cơ sở đào tạo với các đơn vị sử dụng lao động.

- Tăng cường công tác dự báo và cung cấp thông tin về thị trường lao động kết hợp với việc quy hoạch nguồn nhân lực sát thực tế theo từng giai đoạn, theo ngành nghề và từng trình độ đào tạo. Tăng cường cảnh báo về dấu hiệu “bão hòa” nhân lực ở một số ngành/lĩnh vực⁸.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan nghiên cứu, tổ chức điều tra về việc làm, hỗ trợ công tác tư vấn tuyển sinh của các trường đại học cao đẳng, giúp cho người học có cơ sở lựa chọn những ngành nghề có khả năng tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo các cơ sở đào tạo triển khai mạnh mẽ đào tạo theo nhu cầu xã hội, tạo sự gắn kết giữa các cơ sở đào tạo với các đơn vị sử dụng lao động⁹; Xây dựng tiêu chí và chỉ số đánh giá công tác đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, cơ chế phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực.

2. Về vấn đề việc làm của sinh viên tốt nghiệp

Thực tế hiện nay, một số sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng ra trường không có việc làm, hoặc làm việc trái ngành nghề được đào tạo.

Nguyên nhân cơ bản là: Thị trường lao động của Việt Nam đã được hình thành nhưng còn sơ khai, chưa có đủ thể chế để hoạt động hiệu quả. Các trung tâm hỗ trợ tìm kiếm việc làm, sàn giao dịch việc làm... tuy đã được thành lập ở các địa phương, nhưng chưa trở thành kênh kết nối chặt chẽ, thường xuyên giữa các nhà sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và người lao động. Các nhà sử dụng lao động chưa tích cực, chủ động phối hợp với các nhà trường để đặt hàng đào tạo; người lao động, trong đó có sinh viên tốt nghiệp chưa có thói quen tìm việc trên các sàn giao dịch việc làm. Việc quy hoạch phát triển nhân lực của các địa phương, bộ/ngành còn mang tính hình thức, chưa sát thực tế, dẫn đến công tác thông tin và dự báo (tăng, giảm) nhu cầu sử dụng lao động (theo ngành nghề và trình độ đào tạo) gặp nhiều khó khăn, chưa được thực hiện thường xuyên và kịp thời. Cùng với việc nền kinh tế chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhu cầu về nhân lực trên thị trường lao động rất đa dạng, thuộc các thành phần kinh tế khác nhau và thường xuyên thay đổi theo tình hình phát triển kinh tế của đất nước. Thực tế những năm vừa qua, kinh tế

⁸ Như: kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính – ngân hàng. Thực tế trong những năm qua (2012, 2013, 2014) số thí sinh đăng ký vào các ngành này giảm 10% mỗi năm;

⁹ đã ký kết một số thỏa thuận hợp tác với một số tập đoàn và tổng công ty nhằm tạo điều kiện hỗ trợ cho sự gắn kết như thỏa thuận giữa Bộ GD&ĐT với Viettel, Ngân hàng BIDV, Tập đoàn Dầu khí... ký kết thỏa thuận hợp tác về đào tạo nhân lực với Hiệp hội doanh nghiệp Đức, Nhật Bản và đang hoàn thiện các thủ tục cuối cùng để ký kết với Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc. Theo thỏa thuận, Hiệp hội doanh nghiệp các nước ký kết sẽ hỗ trợ cho sinh viên trong bố trí nơi thực tập, chi trả lương trong thời gian thực tập, ưu tiên tuyển dụng khi tốt nghiệp và hỗ trợ đào tạo giáo viên cho các cơ sở đào tạo.

nước ta gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng chậm lại, nhiều doanh nghiệp phải giải thể, nên nhu cầu nhân lực giảm mạnh.

Bên cạnh đó, vẫn tồn tại tâm lý “chuộng bằng cấp”; còn phổ biến thói quen “đi xin việc”, “tìm việc” sau khi tốt nghiệp ra trường vào các cơ quan nhà nước, ở tại các thành phố lớn mà chưa có ý chí, hoài bão “tự thân lập nghiệp”, tự mình tạo ra việc làm cho bản thân và xã hội.

Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thời gian tới Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các bộ, ngành và các địa phương sẽ triển khai mạnh mẽ một số giải pháp sau:

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục theo hướng: Xây dựng cơ chế đầu tư, ưu đãi về đất đai, vốn để hỗ trợ các cơ sở ngoài công lập; Xây dựng cơ chế cho thuê cơ sở vật chất ở các cơ sở công lập sau khi quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới trường học; Xây dựng chính sách đảm bảo sự công bằng về hỗ trợ cho nhà giáo và sinh viên trong các cơ sở đào tạo, không phân biệt trường công lập và trường ngoài công lập.

- Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, phát triển kinh tế để tăng việc làm; hoàn thiện các thể chế, các yếu tố của thị trường lao động; tăng cường công tác dự báo và cung cấp thông tin về thị trường lao động;

- Thực hiện quy hoạch nguồn nhân lực sát thực tế, theo từng giai đoạn, theo ngành nghề và theo trình độ đào tạo... để làm cơ sở cho việc quy hoạch hệ thống trường, quy hoạch ngành đào tạo, định hướng cho các cơ sở đào tạo xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo và người học có cơ sở lựa chọn ngành học.

- Thực hiện các giải pháp hữu hiệu để thu hút lao động qua đào tạo từ nơi thừa (các thành phố lớn, vùng đã phát triển) đến làm việc ở nơi có nhu cầu.

- Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cho vay vốn từ Quỹ quốc gia và việc làm và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Thực hiện chính sách hỗ trợ việc làm, bảo hiểm thất nghiệp, đào tạo lại cho người lao động mất việc, chuyển nghề.

- Triển khai các đề án trong Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và Kế hoạch hành động của ngành giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ để góp phần giải quyết việc làm cho thanh niên.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện thuộc UBTVQH;
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- BT, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- Chủ nhiệm Ủy ban VHGD-TN-ND của QH;
- Vụ Tổng hợp, VPQH;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Vụ GDĐH;
- Lưu VT, TH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

